

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số:13/2018/DS-ST

Ngày: 25-9-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Hạnh

Bà Hoàng Thị Hồng

-Thư ký phiên tòa: Ông Ngụy Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 25-9-2018, tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:18/2018/TLST-DS ngày 14-3-2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-DS ngày 05-9-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH H

Địa chỉ: Đường H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk

Người đại diện theo pháp luật Ông Lê V- chức vụ: Giám đốc, có mặt.

Địa chỉ: Đường H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

- *Bị đơn:* Ông Trương Công T, Có mặt.

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị H, có mặt

Địa chỉ: Đường H, phường Th, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Đặng Thị Tiên D, có mặt.

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố A, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Bà Đinh Thị B, có mặt

Địa chỉ: Đường H, tổ dân phố B, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-02-2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Lê V người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày có nội dung: Vào ngày 18-01-2015 ông Trương Công T đã vay của công ty TNHH H (gọi tắt là Công ty) với số tiền gốc vay mới là 56.000.000 đồng. Có lập giấy khế ước vay – mượn tiền ngày 18-01-2015. Lãi suất vay là 2%/tháng, thời hạn vay là đến 18-12-2015 ông T sẽ phải thanh toán cho Công ty. 24 tháng sau mẹ của chị D là bà Đinh Thị B có trả cho Công ty số tiền là 30.000.000 đồng, trong đó trả lãi là 26.880.000 đồng tính từ ngày 18-01-2015 đến ngày 18-01-2017 (theo mức lãi suất 2%/tháng), trả gốc 3.120.000 đồng. Lần hai vào ngày 18-01-2018 chị D vợ anh T trả cho Công ty số tiền là 26.000.000 đồng, trong đó trả lãi là 12.690.000 đồng (theo mức lãi suất là 2%/tháng), trả gốc 13.310.000 đồng. Trong kế ước vay mượn tiền có tên chị Đặng Thị Tiên D vợ anh T nhưng Công ty xác định số tiền này chỉ mình anh T vay. Hiện nay anh T còn nợ lại của Công ty số tiền vay gốc là 39.570.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18-01-2018. Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trương Công T có trách nhiệm trả cho Công ty số tiền vay gốc là 39.570.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18-01-2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Công ty không yêu cầu bà Đặng Thị Tiên D vợ anh T có trách nhiệm trả cho Công ty.

- Bị đơn ông Trương Công T trình bày có nội dung: Trước đây tôi và vợ tôi là Đặng Thị Tiên D có vay của công ty TNHH H số tiền 260.000.000 đồng. Sau đó vợ chồng tôi đã trả hết số tiền gốc và lãi suất, nhưng về phần lãi suất vợ chồng tôi còn thiếu lại 56.000.000 đồng tiền lãi. Do đó trong khế ước vay – mượn tiền ngày 18-01-2015 số tiền 56.000.000 đồng là tiền lãi chứ không phải tiền gốc vay mới mà vợ chồng tôi vay của Công ty. Cuối năm 2016 nhà tôi có công việc nên vợ chồng tôi có nhờ bà Đinh Thị B là mẹ vợ tôi cầm số tiền 30.000.000 đồng mang ra trả cho Công ty, chị H đã nhận tiền, hai bên không lập biên bản gì, và cũng không có chứng cứ gì cung cấp cho Tòa án. Cuối năm 2017 vợ tôi là Đặng Thị Tiên D có mang số tiền là 26.000.000 đồng trả cho Công ty, chị H đứng ra nhận tiền, hai bên không viết giấy tờ gì nên tôi cũng không có bằng chứng cung cấp cho Tòa án. Tổng số tiền tôi trả cho công ty TNHH H là 56.000.000 đồng. Vì vậy, vợ chồng tôi đã trả đủ số tiền lãi còn nợ cho Công ty. Nay công ty TNHH H khởi kiện yêu cầu tôi trả số tiền 39.570.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 18-01-2018 cho đến khi kết thúc phiên tòa sơ thẩm với mức lãi suất theo quy định của pháp luật thì vợ chồng tôi không đồng ý vì chúng tôi đã trả hết số nợ cho Công ty.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị H trình bày: Tôi đồng ý và thống nhất với ý kiến của ông Lê V. Ngoài ra tôi không bổ sung gì thêm.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đặng Thị Tiên D trình bày có nội dung: Tôi đồng ý và thống nhất với ý kiến của chồng tôi là ông Trương Công T. Ngoài ra tôi xin bổ sung số tiền 56.000.000 đồng mà chúng tôi nợ của Công ty TNHH

H thì chúng tôi đã hoàn trả xong. Do đó công ty TNHH H tính lãi suất phát sinh trên số nợ 56.000.000 đồng là tính lãi mẹ đẻ lãi con, chúng tôi không đồng ý với số tiền mà công ty TNHH H yêu cầu là 39.570.000 đồng và lãi suất phát sinh. Đề nghị Tòa xem xét giải quyết cho chúng tôi. Chúng tôi không cung cấp được chứng cứ gì về việc trả nợ cho Công ty vì toàn bộ giấy tờ đều do bên Công ty giữ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị B trình bày có nội dung:* Tôi thừa nhận cuối năm 2016, vợ chồng anh T, chị D có nhờ tôi cầm số tiền 30.000.000 đồng mang trả cho công ty TNHH H, tôi đã đưa số tiền 30.000.000 đồng cho cô H, sau đó tôi về nhà và không có viết giấy tờ gì nên tôi không có bằng chứng gì cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu của mình như trên.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 01-3-2018 Công ty TNHH H nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, ngày 13-3-2018 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 13-3-2018 Công ty TNHH H nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

Hội đồng xét xử xét thấy ngày 18-01-2015 giữa Công ty TNHH H và ông Trương Công T ký kết ước vay mượn tiền với số tiền vay là 56.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 18-12-2015 hoàn trả nhưng đến ngày 18-01-2017 ông T nhờ bà Đinh Thị B trả cho Công ty số tiền 30.000.000 đồng Công ty trừ tiền lãi là 26.880.000 đồng (mức lãi suất 2%/tháng) còn 3.120.000 trừ tiền gốc và ngày 18-01-2018 bà Đặng Thị Tiên D vợ ông T trả 26.000.000 đồng công ty trừ 12.690.000 đồng tiền lãi (mức lãi suất 2%/tháng) và 13.310.000 đồng tiền gốc. Ông T cho rằng là trả đủ 56.000.000 đồng vì số tiền 56.000.000 đồng là số tiền lãi của khoảng vay 260.000.000 đồng nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh nên

lời trình bày của ông T là không có căn cứ. Do đó có căn cứ xác định ngày 18-01-2015 Công ty TNHH H cho ông Trương Công T vay số tiền là 56.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, thời hạn vay đến ngày 18-12-2015. Các đương sự đều thừa nhận ông Trương Công T đã trả cho Công ty số tiền 56.000.000 đồng tuy nhiên Công ty tính lãi suất theo các bên thỏa thuận 2%/tháng là vượt quá 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố số tiền còn lại để khấu trừ vào tiền gốc là không phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Do vậy lãi suất được tính lại như sau:

Lãi suất trong hạn từ ngày 18-01-2015 đến 18-12-2015 là 56.000.000 đồng x 1,125%/tháng x 11 tháng = 6.930.000 đồng.

Lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19-12-2015 đến 18-01-2017 là 56.000.000 đồng x 0,75%/tháng x 25 tháng = 10.500.000 đồng.

Số tiền còn lại được khấu trừ vào tiền gốc là 12.570.000 đồng (Cụ thể 30.000.000 đồng – 17.430.000 đồng = 12.570.000 đồng)

Lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19-01-2017 đến 18-01-2018 là [(56.000.000 đồng – 12.570.000 đồng) = 43.430.000 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng = 3.908.700 đồng]

Số tiền còn lại được khấu trừ vào tiền gốc là 22.091.300 đồng (Cụ thể 26.000.000 đồng – 3.908.700 đồng = 22.091.300 đồng)

Lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 19-01-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm [(43.430.000 đồng – 22.091.300 đồng) = 21.338.700 đồng x 0,75%/tháng x 12 tháng 6 ngày = 1.312.322 đồng.

Công ty TNHH H xác định chỉ cho ông Trương Công T vay số tiền gốc 56.000.000 đồng, không liên quan đến vợ ông Trương Công T là bà Đặng Thị Tiên D và Công ty chỉ yêu cầu mình ông Trương Công T trả. Sau khi khấu trừ tiền lãi trả thừa vào tiền gốc thì số tiền gốc còn lại ông Trương Công T chưa trả là 21.338.700 đồng do vậy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty buộc ông Trương Công T phải trả cho Công ty TNHH H tổng số tiền là 22.651.022 đồng (trong đó gồm 21.338.700 đồng tiền nợ gốc và 1.312.322 đồng lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 19-01-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25-9-2018) và bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H đối với số tiền gốc là 18.231.300 đồng (cụ thể là 39.570.000 đồng – 21.338.700 đồng = 18.231.300 đồng) là phù hợp với khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như nhận định nêu trên là phù hợp.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH H được chấp nhận một phần nên Công ty TNHH H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 911.565 đồng cụ thể là [(39.570.000 đồng – 21.338.700

đồng) = 18.231.300 đồng x 5% = 911.565 đồng]; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.015.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001111 ngày 13-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 103.435 đồng. Bị đơn ông Trương Công T phải chịu 1.132.551 đồng án phí dân sự sơ thẩm cụ thể là: [22.651.022 đồng x 5%= 1.132.551 đồng] là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 305, Điều 471, Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Căn cứ vào khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H.

1. Buộc ông Trương Công T phải trả cho Công ty TNHH H tổng số tiền là 22.651.022 đồng (trong đó gồm 21.338.700 đồng tiền nợ gốc và 1.312.322 đồng lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 19-01-2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 25-9-2018).

2. Bác một phần yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH H yêu cầu ông Trương Công T trả số tiền gốc là 18.231.300 đồng.

Áp dụng Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi suất trong giai đoạn thi hành án.

Về án phí: Nguyên đơn Công ty TNHH H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu được chấp nhận. Công ty TNHH H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận là 911.565 đồng; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.015.000 đồng theo biên lai thu số AA/2017/0001111 ngày 13-3-2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã B. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH H số tiền tạm ứng án phí còn lại là 103.435 đồng.

Bị đơn ông Trương Công T phải chịu 1.132.551 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Anh